



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc
Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099
Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT221006

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi trồng thủy sản Động vật thủy sản
 Sản phẩm thủy sản Đất Bùn Trầm tích Khác

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: Ngày 3-5/10/2022

Ngày nhận mẫu: Ngày 6/10/2022

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: Ngày 6-10/10/2022

Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp			
1.	Hói Lỗ	Hói Lỗ - Kỳ Ninh	Nước cấp Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thư	Ngọn Rào - Kỳ Thư	Nước cấp Kỳ Thư
3.	Cầm Lộ	Bãi Rào - Cầm Lộ	Nước cấp Cầm Lộ
4.	Thạch Hạ	Đồng Ghè - Thạch Hạ	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Đan Trường	Nước cấp Đan Trường
6.	Thạch Châu	Thạch Châu	Nước cấp Thạch Châu
7.	Đình Bàn	Đình Bàn	Nước cấp Đình Bàn

Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
N-NH ₄ ⁺	HD.H.01	COD	SMEWW5220 C:2017
TSS	SMEWW 2540 D:2017	H ₂ S	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ B,D:2017
Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017		

2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺ *	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Nguồn cấp										
Nước cấp Kỳ Ninh	22	7,5	4,0	30	8	107,4	0,102	1,6	0,000	18,4
Nước cấp Kỳ Thu	25	8,0	4,0	30	2	89,5	0,111	3,04	0,001	13,6
Nước cấp Cẩm Lộc	25	7,5	4,5	25	7	107,4	0,072	2,48	0,002	14,0
Nước cấp Thạch Hạ	26	8,5	4,0	40	4	63,0	0,065	2,72	0,000	5,6
Nước cấp Đan Trường	26	7,5	4,0	30	2	54,0	0,260	1,28	0,017	34,7
Nước cấp Thạch Châu	26	8,0	4,0	30	2	53,7	0,114	2,8	0,001	3,5
Nước cấp Đinh Bàn	26	7,8	4,0	35	8	125,0	0,100	3,68	0,002	10,5
Quy chuẩn tham chiếu	18-33 ^b	7-9 ^b	≥3,5 ^b	20-50 ^b	5-35 ^b	60-180 ^b	<0,3 ^c	<10 ^c	<0,05 ^b	<50 ^a

Ghi chú:

- Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- Dấu (*): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- Ký hiệu (°): QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- Dấu (***): Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc		Mật độ tảo (tế bào/lít)					Tổng (tế bào/lít)
		Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt	
Kỳ Ninh	Nguồn cấp	0	7.733	0	0	0	7.733
Kỳ Thu	Nguồn cấp	119.173	4.373	60.133	0	0	183.679
Cẩm Lộc	Nguồn cấp	0	1.133	57.120	0	0	58.253
Thạch Hạ	Nguồn cấp	0	3.920	130.667	653	0	135.240
Đan Trường	Nguồn cấp	0	480	0	0	0	480
Thạch Châu	Nguồn cấp	39.480	16.920	0	0	0	56.400
Đỉnh Bàn	Nguồn cấp	0	240	240.000	0	0	240.240

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

Bảng 5: Kết quả phân tích thành phần tảo độc

Điểm quan trắc		Giống/loài	Mật độ (tế bào/lít)
Kỳ Ninh	Nguồn cấp	KPH	0
Kỳ Thu	Nguồn cấp	<i>Pseudo-nitzschia</i> sp	2.187
Cẩm Lộc	Nguồn cấp	KPH	0
Thạch Hạ	Nguồn cấp	<i>Pseudo-nitzschia</i> sp	2.613
Đan Trường	Nguồn cấp	KPH	0
Thạch Châu	Nguồn cấp	<i>Pseudo-nitzschia</i> sp	3.133
Đỉnh Bàn	Nguồn cấp	KPH	0

3. NHẬN XÉT

- Độ mặn tại Nguồn cấp Kỳ Thu và Thạch Hạ thấp hơn giới hạn cho phép, có giá trị lần lượt là 2‰ và 4‰. Nguồn cấp tại Đan Trường và Thạch Châu có độ mặn (2‰) và độ kiềm (lần lượt 54,0 và 53,7 mg/l) thấp hơn giới hạn cho phép. Nguồn cấp tại Kỳ Ninh, Cẩm Lộc và Đình Bàn có các thông số môi trường nằm trong giới hạn cho phép.
- Mật độ tảo tại các điểm quan trắc nguồn cấp thấp, dao động từ 480 – 240.240 tế bào/lít. Nguồn cấp tại Đình Bàn có mật độ tảo cao nhất (240.240 tế bào/lít), kế đến là Kỳ Thu (183.679 tế bào/lít), Thạch Hạ (135.240 tế bào/lít), Cẩm Lộc (58.253 tế bào/lít), Thạch Châu (56.400 tế bào/lít), Kỳ Ninh (7.733 tế bào/lít). Nguồn cấp Đan Trường có mật độ tảo thấp nhất (480 tế bào/lít).
- Phát hiện tảo độc *Pseudo-nitzschia* sp tại 3 điểm nguồn cấp Kỳ Thu, Thạch Hạ, Thạch Châu với mật độ lần lượt là 2.187 tế bào/lít, 2.613 tế bào/lít và 3.133 tế bào/lít.

4. KHUYẾN CÁO

- Đối các nguồn cấp có độ mặn và độ kiềm thấp cần lấy nước vào ao chứa và xử lý trước khi cấp vào ao nuôi.
- Tiếp tục theo dõi biến động mật độ tảo độc tại các điểm Kỳ Thu, Thạch Hạ và Thạch Châu để có các giải pháp và khuyến cáo kịp thời

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình

